

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2012

10 X M.S.D.

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN			0	0
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		503,539,592,360	507,734,417,476
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		99,619,229,901	141,584,573,932
1. Tiền	111		95,561,474,660	92,581,660,240
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,057,755,241	49,002,913,692
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		329,370,064,634	308,375,311,124
1. Phải thu khách hàng	131		29,662,694,558	35,972,457,293
2. Trả trước cho người bán	132		10,994,096,278	7,479,885,096
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		283,598,723,882	257,763,576,199
5. Các khoản phải thu khác	135		5,307,394,735	7,352,237,355
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(192,844,819)	(192,844,819)
IV. Hàng tồn kho	140		18,209,117,533	15,367,213,136
1. Hàng tồn kho	141		18,209,117,533	15,367,213,136
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		56,341,180,292	42,407,319,284
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4,320,920,761	1,369,130,745
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15,421,605,694	11,328,380,989
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		36,598,653,837	29,709,807,550
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		189,613,770,443	169,263,364,176
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		21,010,066,438	21,019,852,947
1. Tài sản cố định hữu hình	221		12,852,957,895	12,690,489,773
- Nguyên giá	222		38,722,928,813	37,472,038,850
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25,869,970,918)	(24,781,549,077)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227		8,157,108,543	8,329,363,174
- Nguyên giá	228		11,365,468,078	11,269,398,178
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,208,359,535)	(2,940,035,004)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		0	0
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		148,340,617,750	127,928,474,017
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		148,340,617,750	127,928,474,017
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		19,724,436,255	19,760,997,212
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		18,892,560,752	18,929,121,709
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		577,995,067	577,995,067

3. Tài sản dài hạn khác	268		253,880,436	253,880,436
VI. Lợi thế thương mại	269		538,650,000	554,040,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		693,153,362,803	676,997,781,652
NGUỒN VỐN			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		361,135,212,493	435,547,010,505
I. Nợ ngắn hạn	310		338,133,701,568	412,655,675,282
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		17,762,995,263	12,290,756,808
2. Phải trả người bán	312		43,737,854,278	57,389,962,887
3. Người mua trả tiền trước	313		40,047,579,423	69,552,794,053
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		12,167,809,452	18,479,559,679
5. Phải trả người lao động	315		15,756,259,893	38,841,332,767
6. Chi phí phải trả	316		179,869,579,323	160,691,611,697
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		14,933,501,742	42,273,507,458
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		11,290,337,340	10,537,297,079
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2,567,784,854	2,598,852,854
II. Nợ dài hạn	330		23,001,510,925	22,891,335,223
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		378,743,858	263,848,858
4. Vay và nợ dài hạn	334		21,731,407,197	21,731,407,197
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		891,359,870	896,079,168
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		312,400,078,230	221,680,218,558
I. Vốn chủ sở hữu	410		312,400,078,230	221,680,218,558
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250,000,000,000	180,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11,571,558,415	321,888,415
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1,600,295,812	1,600,295,812
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	4,224,799
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,902,424,923	5,902,424,923
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		4,892,901,528	4,892,901,528
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		38,432,897,552	28,958,483,081
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		19,618,072,080	19,770,552,589
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		693,153,362,803	676,997,781,652
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			0	0
1. Tài sản thuê ngoài	01		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	0
5. Ngoại tệ các loại (USD)	05		5,675.66	7,323.43
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

NGƯỜI LẬP


Lê Thị Thúy Hằng

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Hồ Khả Thịnh

TPHCM, ngày 14 tháng 5 năm 2012
TỔNG GIÁM ĐỐC


Đỗ Văn Chanh

CÔNG TY: TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTPC

Địa chỉ: CT Plaza, 60A Trường Sơn, quận Tân Bình, TPHCM

Tel: 08.6 2971767 Fax: 08.6 2971770

Báo cáo tài chính
Quý 1 năm tài chính 2012

Mẫu số

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ

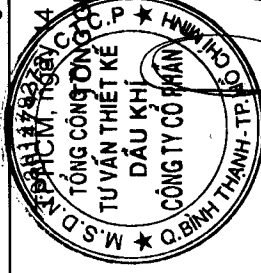
Chỉ tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Quý này năm nay	Quý này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		124,488,837,577	102,852,547,042	124,488,837,577	102,852,547,042
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		124,488,837,577	102,852,547,042	124,488,837,577	102,852,547,042
4. Giá vốn hàng bán	11		100,647,063,569	84,942,664,327	100,647,063,569	84,942,664,327
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		23,841,774,008	17,909,882,715	23,841,774,008	17,909,882,715
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		756,473,543	1,422,660,524	756,473,543	1,422,660,524
7. Chi phí tài chính	22		372,289,250	2,749,670	372,289,250	2,749,670
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		365,649,438	0	365,649,438	0
8. Chi phí bán hàng	24		0	0	0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		11,822,150,308	8,233,718,685	11,822,150,308	8,233,718,685
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))	30		12,403,807,993	11,096,074,884	12,403,807,993	11,096,074,884
11. Thu nhập khác	31		195,963,874	2,039,803,597	195,963,874	2,039,803,597
12. Chi phí khác	32		20,006,063	394,523	20,006,063	394,523
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		175,957,811	2,039,409,074	175,957,811	2,039,409,074
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0	0	0
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		12,579,765,804	13,135,483,958	12,579,765,804	13,135,483,958
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3,257,331,842	3,287,718,490	3,257,331,842	3,287,718,490
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		9,322,433,962	9,847,765,468	9,322,433,962	9,847,765,468
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(151,980,509)	0	(151,980,509)	0
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		9,474,414,471	9,847,765,468	9,474,414,471	9,847,765,468
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		0	0	0	0

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Thuý Hằng

Hồ Khả Thịnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngày 14 tháng 5 năm 2012

Đỗ Văn Thành

Mẫu số

DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			0	0
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12,579,765,804	13,150,876,958
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1,359,380,309	742,624,359
- Các khoản dự phòng	03		0	0
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	0
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(756,473,543)	(1,422,660,524)
- Chi phí lãi vay	06		365,649,438	0
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		13,548,322,008	12,470,840,793
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(32,958,017,094)	(36,449,258,551)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2,841,904,397)	(1,182,089,614)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(79,967,863,467)	8,431,818,938
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,915,229,059)	140,580,590
- Tiền lãi vay đã trả	13		(365,649,438)	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7,447,492,183)	(1,105,753,421)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		6,664,896	0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4,945,866,650)	(4,186,590,512)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(117,887,035,384)	(21,880,451,777)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,369,599,863)	(7,218,315,201)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	8,437,500,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		44,945,158,451	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(20,412,143,733)	(10,209,998,948)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		756,473,543	2,790,993,857
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		23,919,888,398	(6,199,820,292)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		70,000,000,000	100,010,000,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		29,572,956,956	486,963,172
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(24,100,718,501)	0
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23,470,435,500)	(10,171,758,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		52,001,802,955	90,325,204,572
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(41,965,344,031)	62,244,932,503
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		141,584,573,932	106,970,126,235
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		99,619,229,901	169,215,058,738

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thị Thủy Hằng
 Lê Thị Thủy Hằng

Hồ Khả Thịnh
 Hồ Khả Thịnh

TPHCM, ngày 13 tháng 5 năm 2012
 TÔNG CÔNG TỶ ĐỒNG TÀI AM ĐỐC
 TỰ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 Q. BÌNH THẠNH - TP. HỒ CHÍ MINH
Đỗ Văn Chanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Thông tin khái quát:

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và ba công ty con.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty mẹ là Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty cổ phần (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003829 ngày 14/9/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Công ty được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Dầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí quốc gia Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2012 là 728 người .

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý: Tư vấn quản lý dự án các công trình xây dựng kỹ thuật dân dụng; Tư vấn quản lý dự án chuyên ngành dầu khí từ trên bờ đến ngoài biển, dự án thăm dò, khai thác dầu khí, lọc dầu, dự án công nghiệp và dân dụng. Tư vấn lập dự án đầu tư. Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đấu thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu. Quản lý dự án, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế phần nhiệt và điện lạnh công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cơ khí công trình dầu khí. Thiết kế công nghệ công trình công nghiệp hóa chất và hóa dầu, chế biến khí. Thiết kế điện công trình công nghiệp.
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán). Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, các dự án xây dựng khác. Chế tạo các sản phẩm công nghệ dầu khí (không hoạt động tại trụ sở). Khảo sát xây dựng. Thiết kế: kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, điện áp <22KV, kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp. Kiểm định chất lượng xây dựng. Xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông, dầu khí (lắp đặt từng phần hoặc trọn gói (EPC). Xây dựng nhà các loại. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chuẩn bị mặt bằng. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dung trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Kinh doanh bất động sản. Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế cơ điện công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thiết kế công trình công nghiệp 2 (cấp nhiệt, điều hòa nhiệt độ). Khảo sát địa chất xây dựng công trình. Khảo sát địa hình. Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn. Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện). Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Cung ứng và quản lý nguồn lao động Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán).

Các công ty con của Công ty bao gồm:

- Công ty cổ phần Tư vấn Quản lý dự án dầu khí PVE (gọi tắt là “PVE-PMC”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310755120 ngày 5/4/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với tổng vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty là Tư vấn quản lý và giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.
- Công ty cổ phần Tư vấn Khảo sát dầu khí PVE (gọi tắt là “PVE-SC”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310755346 ngày 5/4/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với tổng vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty là Tư vấn kiểm tra đánh giá hiện trạng các công trình dầu khí, công trình công

nghiệp và dân dụng, khảo sát địa hình, địa chất xây dựng công trình và kiểm định chất lượng công trình.

- Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư dầu khí (gọi tắt là “PCIC”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104628335 ngày 7/5/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với tổng vốn điều lệ là 30.000.000.000 đồng. Hoạt động chính của Công ty là khảo sát, thiết kế, giám sát, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp.

II. Cơ sở lập báo cáo tài chính và năm tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu:

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc

đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử, nếu có. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 6
Phương tiện vận tải	6 – 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm thiết kế và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Công ty chỉ nắm giữ từ 20% trở xuống vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng

xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong năm.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VND

1	Tiền và các khoản tương đương tiền	31/03/2012	31/12/2011
1.1	Tiền mặt	19,345,743,305	13,893,433,199
1.2	Tiền gửi ngân hàng	76,215,731,355	78,688,227,041
	- Tiền gửi VND	76,100,290,753	78,534,455,364
	- Tiền gửi ngoại tệ	115,440,602	153,771,677
1.3	Các khoản tương đương tiền	4,057,755,241	49,002,913,692
	Cộng tiền và các khoản tương đương tiền	99,619,229,901	141,584,573,932

2.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	31/03/2012	31/12/2011
	- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
	- Đầu tư ngắn hạn khác	0	
	- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
	Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0

3.	Các khoản phải thu ngắn hạn	31/03/2012	31/12/2011
3.1	Phải thu khách hàng	29,662,694,558	35,972,457,293
3.2	Trả trước cho người bán	10,994,096,278	7,479,885,096
3.3	Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	283,598,723,882	257,763,576,199
3.4	Phải thu khác	5,307,394,735	7,352,237,355
	- Phải thu cổ phần hóa	360,600	2,908,000
	- Phải thu Ban chỉ tôn CPSX	294,150,772	294,150,772
	- Các khoản phải thu khác	5,012,883,363	7,055,178,583
3.5	Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(192,844,819)	(192,844,819)
	Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	329,370,064,634	308,375,311,124

4.	Hàng tồn kho	31/03/2012	31/12/2011
4.1	Hàng tồn kho	18,209,117,533	15,367,213,136
	- Nguyên vật liệu	21,623,080	45,743,708
	- Công cụ, dụng cụ	111,717,690	97,661,410
	- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18,075,776,763	15,223,808,018
4.2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	0	-
	Cộng hàng tồn kho	18,209,117,533	15,367,213,136

5.	Tài sản ngắn hạn khác	31/03/2012	31/12/2011
5.1	Chi phí trả trước ngắn hạn	4,320,920,761	1,369,130,745
5.2	Các khoản thuế phải thu	15,421,605,694	11,328,380,989
	- Thuế GTGT còn được khấu trừ	15,421,605,694	11,328,380,989
	- Các khoản thuế nộp thừa cho Nhà nước	-	-
5.3	Tài sản ngắn hạn khác	36,598,653,837	29,709,807,550

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP
 Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP HCM

	- <i>Tạm ứng</i>	31,903,853,672	24,033,814,793
	- <i>Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	4,694,800,165	5,675,992,757
	Cộng tài sản ngắn hạn khác	56,341,180,292	42,407,319,284

6.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/03/2012	31/12/2011
	- Đầu tư vào công ty con	-	-
	- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-
	- Đầu tư dài hạn khác	148,340,617,750	127,928,474,017
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	-	-
	Cộng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	148,340,617,750	127,928,474,017

7.	Tài sản dài hạn khác	31/03/2012	31/12/2011
	- Chi phí trả trước dài hạn	18,892,560,752	18,929,121,709
	- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	577,995,067	577,995,067
	- Tài sản dài hạn khác	253,880,436	253,880,436
	Cộng tài sản dài hạn khác	19,724,436,255	19,760,997,212

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP
Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TPHCM

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình và vô hình

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính : Đồng						TỔNG CỘNG
	Nhóm Nhà cửa	Nhóm Máy móc	Nhóm Phương tiện VT	Nhóm Dụng cụ quản lý	TSCĐ Hữu hình	TSCĐ Vô hình	
A	1	2	3	4	5=1+2+3+4	6	7=5+6
I. NGUYÊN GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH							
1. Số dư đầu kỳ	4,428,220,997	16,501,155,939	9,498,071,147	7,044,590,767	37,472,038,850	11,269,398,178	48,741,437,028
2. Số tăng trong kỳ	0	411,146,363	0	862,383,600	1,273,529,963	96,069,900	1,369,599,863
Trong đó: - Mua sắm mới		411,146,363	0	862,383,600	1,273,529,963	96,069,900	1,369,599,863
- Nhận vốn góp từ Tập đoàn			0	0	0		0
3. Số giảm trong kỳ	0	0	0	22,640,000	22,640,000	0	22,640,000
Trong đó: - Điều chuyển							
- Thanh lý	0	0	0	22,640,000	22,640,000		22,640,000
4. Số cuối kỳ	4,428,220,997	16,912,302,302	9,498,071,147	7,884,334,367	38,722,928,813	11,365,468,078	50,088,396,891
Trong đó: - Chưa sử dụng					0		0
- Đã hết khấu hao		0	0	0	0	0	0
II. GIÁ TRỊ HAO MÒN							
1. Số dư đầu kỳ	3,231,507,455	12,984,756,444	5,798,692,475	2,766,592,703	24,781,549,077	2,940,035,004	27,721,584,081
2. Số tăng trong kỳ	55,630,401	366,562,601	307,279,715	361,583,061	1,091,055,778	268,324,531	1,359,380,309
Trong đó: - Khấu hao trong kỳ	55,630,401	366,562,601	307,279,715	361,583,061	1,091,055,778	268,324,531	1,359,380,309
- Nhận vốn góp từ Tập đoàn			0	0	0		0
3. Giảm trong kỳ	0	0	0	2,633,937	2,633,937	0	2,633,937
Trong đó: - Điều chỉnh đánh giá lại tài sản							
- Thanh lý	0	0	0	2,633,937	2,633,937		2,633,937
4. Số cuối kỳ	3,287,137,856	13,351,319,045	6,105,972,190	3,125,541,827	25,869,970,918	3,208,359,535	29,078,330,453
III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
1- Đầu kỳ	1,196,713,542	3,516,399,495	3,699,378,672	4,277,998,064	12,690,489,773	8,329,363,174	21,019,852,947
2- Cuối kỳ	1,141,083,141	3,560,983,257	3,392,098,957	4,758,792,540	12,852,957,895	8,157,108,543	21,010,066,438

9. Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/09/2011 như sau:

Tên công ty con	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết nắm giữ
Cty CP Tư vấn quản lý dự án Dầu khí PVE (PVE-PMC)	91.56%	91.56%
Công ty CP Tư vấn Khảo sát Dầu khí PVE (PVE-SC)	88.81%	88.81%
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí (PCIC)	44.39%	44.39%

- Theo nghị quyết số 10004/NQ-DKVN ngày 04/11/2010 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam v/v chấp thuận việc chuyển nhượng phần vốn góp của Tập đoàn tại PCIC cho PVE với tỷ lệ là 44% Nhưng PVE có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PCIC đồng thời trong Hội đồng quản trị có 3 thành viên thì PVE cử 2 thành viên trong Hội đồng quản trị đại diện phần vốn của PVE.

- Theo Nghị quyết số 35/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11/12/2010 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tư vấn Dầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE) v/v phê duyệt phương án thành lập Công ty CP Tư vấn quản lý dự án Dầu khí (PVE-PMC) với số vốn điều lệ là 30.000.000.000đ trong đó PVE góp 60%

- Theo Nghị quyết số 36/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11/12/2010 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tư vấn Dầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE) v/v phê duyệt phương án thành lập Công ty CP Tư vấn Khảo sát Dầu khí (PVE-SC) với số vốn điều lệ là 20.000.000.000đ trong đó PVE góp 60%

- Theo biên bản họp giao ban số 39/BB-ĐTTK ngày 04/05/2011 của Công ty CP Tư vấn Dầu tư và Thiết kế Dầu khí 02 công ty con PVE-PMC và PVE-SC đi vào hoạt động chậm nhất là ngày 31/05/2011

10	Vay và nợ ngắn hạn	31/03/2012	31/12/2011
	- Vay ngắn hạn ngân hàng		12,290,756,808
	Cộng	5,000,000,000	12,290,756,808

11	Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	31/03/2012	31/12/2011
	- Phải trả người bán	43,737,854,278	57,389,962,887
	- Người mua trả tiền trước	40,047,579,423	69,552,794,053
	Cộng phải trả người bán và người mua trả tiền trước	83,785,433,701	126,942,756,940

12	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:	31/03/2012	31/12/2011
	- Thuế GTGT	1,261,950,824	3,941,601,352
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,105,941,815	8,296,102,156
	- Thuế thu nhập cá nhân	6,798,937,613	6,240,876,971
	- Các loại thuế khác	979,200	979,200
	Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12,167,809,452	18,479,559,679
	Ghi chú : - Thuế TNDN phải nộp cho nhà nước các đơn vị trực thuộc kết chuyển về Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Thiết kế Dầu Khí để quyết toán chung toàn Công ty.		

13	Chi phí phải trả	31/03/2012	31/12/2011
	- Chi phí phải trả	179,869,579,323	160,691,611,697
	Cộng	179,869,579,323	160,691,611,697

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP
 Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TP HCM

14	Các khoản phải trả, phải nộp khác	31/03/2012	31/12/2011
	- Kinh phí công đoàn	2,160,897,850	1,683,341,362
	- Bảo hiểm xã hội	212,366,724	54,945,221
	- Bảo hiểm y tế	26,610,211	(2,535,792)
	- Phải trả công ty cổ phần	233,800,000	233,800,000
	- Phải trả phải nộp khác	12,299,826,957	40,303,956,667
	Cộng các khoản phải trả, phải nộp	14,933,501,742	42,273,507,458

15	Nợ dài hạn	31/03/2012	31/12/2011
	- Phải trả dài hạn khác	-	263,848,858
	- Vay và nợ dài hạn	21,731,407,197	21,731,407,197
	- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	891,359,870	896,079,168
	Cộng nợ dài hạn	22,622,767,067	22,891,335,223

16	Nguồn kinh phí	31/03/2012	31/12/2011
	- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	
	- Chi sự nghiệp	-	
	- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	-	-

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCPC
 Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TPHCM

17. Vốn chủ sở hữu

17.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu ngân quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2011	80,000,000,000	353,718,415	109,330	1,609,545,812	0	4,750,644,717	3,741,121,322	12,235,604,127	102,690,743,723
- Sử dụng quỹ		(31,830,000)		(9,250,000)					(41,080,000)
- Trích quỹ trong năm				0		1,151,780,206	1,151,780,206	(4,135,604,127)	(1,832,043,715)
- Vốn góp tăng trong năm	100,000,000,000								100,000,000,000
- Nhận nguồn kinh phí									0
- Cổ tức đã trả					0				0
- Cổ phiếu ngân quỹ								(35,100,000,000)	(35,100,000,000)
- Chênh lệch tỷ giá			4,115,469						4,115,469
- Lợi nhuận trong năm								55,958,483,081	55,958,483,081
Tại ngày 31/12/2011	180,000,000,000	321,888,415	4,224,799	1,600,295,812	0	5,902,424,923	4,892,901,528	28,958,483,081	221,680,218,558
- Sử dụng quỹ		(330,000)							(330,000)
- Trích quỹ trong năm									0
- Vốn góp tăng trong năm	70,000,000,000								70,000,000,000
- Tăng do cổ đông CL mua		11,250,000,000							11,250,000,000
- Cổ tức đã trả									0
- Cổ phiếu ngân quỹ									0
- Chênh lệch tỷ giá			(4,224,799)						(4,224,799)
- Lợi nhuận trong năm								9,474,414,471	9,474,414,471
Tại ngày 31/03/2012	250,000,000,000	11,571,558,415	0	1,600,295,812	0	5,902,424,923	4,892,901,528	38,432,897,552	312,400,078,230

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ - CTCP
 Lầu 8 tòa nhà CT Plaza, 60A Trường Sơn, Quận Tân Bình, TPHCM

	Các thông tin trong báo cáo KQ kinh doanh	31/03/2012	31/12/2011
18	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	124,488,837,577	685,983,300,167
19	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	
20	Giá vốn hàng bán	100,647,063,569	558,670,067,741
21	Doanh thu hoạt động tài chính	756,473,543	9,681,825,920
22	Chi phí hoạt động tài chính	372,289,250	2,818,948,347
23	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11,822,150,308	65,826,216,027
24	Thu nhập khác	195,963,874	9,645,428,241
25	Chi phí khác	20,006,063	219,752,246

26	Thuế TNDN phải nộp và lợi nhuận sau thuế trong kỳ	31/03/2012	31/12/2011
	- Tổng lợi nhuận kế toán trước Thuế	12,579,765,804	77,775,569,967
	- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm		
	+ Các khoản điều chỉnh tăng		
	+ Các khoản điều chỉnh giảm		
	- Tổng thu nhập chịu thuế	12,579,765,804	77,775,569,967
	- Thuế TNDN phải nộp	3,257,331,842	20,093,457,678
	- Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại		577,995,067
	- Lợi nhuận sau thuế TNDN	9,322,433,962	58,260,107,356
	- Phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN	-	
	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu		

27	Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	31/03/2012	31/12/2011
	- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31,132,804,009	131,590,263,119
	+ Nguyên liệu, vật liệu	30,772,910,041	128,873,386,133
	+ Công cụ, dụng cụ	359,893,968	2,716,876,986
	- Chi phí nhân công	77,722,245,386	162,355,426,202
	+ Chi phí nhân công trực tiếp	29,112,256,838	20,666,540,827
	+ Chi phí nhân viên quản lý	48,609,988,548	141,688,885,375
	- Chi phí khấu hao TSCĐ, ca máy thuê ngoài	2,682,987,833	10,445,020,236
	Trong đó chi phí KH TSCĐ		-
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,236,967,655	51,408,053,082
	- Chi phí bằng tiền	55,477,845,400	66,054,088,619
	Cộng	168,252,850,283	421,852,851,258

Người lập biểu

Lê Thị Thúy Hằng

Lê Thị Thúy Hằng

Kế toán trưởng

Hồ Khả Thịnh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14/5/2012



Giám đốc

Đỗ Văn Thanh

